SỔ ĐIỂM ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2016

CDN. TRƯỜNG CAO ĐẲNG MỸ THUẬT TRANG TRÍ ĐỒNG NAI

Đăng ký dự thi - đã nhân hệ số

STT	SBD	Mã số HS	Họ và Tên		Phái	Ngày sinh	Hộ Khẩu	ĐT	KV	Điểm Trang trí	Điểm Hình họa	Điểm văn	ĐTC0	ĐTC	ĐUT	ĐT-UT
1	CDN.H 00001	*L2 - 0004*	Đoàn Quang Phương	Ân	Nam	25/03/1995	Xuân Lộc - Đồng Nai		1	13.00	10.00	5.00	28.00	28.00	1.50	29.50
2	CDN.H 00003	*L2 - 0021*	Phạm Thị Tú	Anh	Nữ	08/01/1997	Quận 8 - HCM		1	18.00	10.00	6.00	34.00	34.00	1.50	35.50
3	CDN.H 00004	*L2 - 0013*	Lê Hoàng	Bảo	Nam	19/08/1998	Tân Phú - Đồng Nai		2NT	16.00	14.00	4.75	34.75	35.00	1.00	36.00
4	CDN.H 00006	*L2 - 0018*	Lưu Văn	Đông	Nam	01/01/1998	Long Thành - Đồng Nai		1	10.00	14.00	6.00	30.00	30.00	1.50	31.50
5	CDN.H 00007	*L2 - 0011*	Bùi Duy	Đức	Nam	18/04/1998	Biên Hòa - Đồng Nai		2	12.00	9.00	4.50	25.50	25.50	0.50	26.00
6	CDN.H 00008	*L2 - 0019*	Trần Tuấn	Đức	Nam	21/03/1997	Long Thành - Đồng Nai		1	12.00	12.00	7.25	31.25	31.50	1.50	33.00
7	CDN.H 00009	*L2 - 0024*	Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	14/02/1998	Quỳnh Lưu - Nghệ An		2NT	13.00	12.00	7.50	32.50	32.50	1.00	33.50
8	CDN.H 00010	*L2 - 0026*	Nguyễn Thị	Hiếu	Nữ	22/04/1998	Hương Sơn - Hà Tĩnh		1	16.00	12.00	8.25	36.25	36.50	1.50	38.00
9	CDN.H 00011	*L2 - 0032*	Võ Viết	Hoàn	Nam	20/06/1998	Đức Thọ - Hà Tĩnh		2NT	10.00	9.00	6.00	25.00	25.00	1.00	26.00
10	CDN.H 00012	*L2 - 0029*	Nguyễn Vũ	Hoàng	Nam	04/11/1998	Biên Hòa - Đồng Nai		2	10.00	14.00	5.75	29.75	30.00	0.50	30.50
11	CDN.H 00013	*L2 - 0006*	Cù Ngọc	Hưng	Nam	11/10/1998	Biên Hòa - Đồng Nai		2	14.00	10.00	6.00	30.00	30.00	0.50	30.50
12	CDN.H 00014	*L2 - 0027*	Nguyễn Thị Kim	Hương	Nữ	12/12/1997	Tân Phú - Đồng Nai		1	14.00	16.00	7.25	37.25	37.50	1.50	39.00
13	CDN.H 00015	*L2 - 0039*	Trần Quang	Huynh	Nam	14/05/1996	Trảng Bom - Đồng Nai		1	18.00	16.00	6.25	40.25	40.50	1.50	42.00
14	CDN.H 00016	*L2 - 0042*	Mai Hoàng	Khang	Nam	23/03/1995	Biên Hòa - Đồng Nai		2	14.00	12.00	5.75	31.75	32.00	0.50	32.50
15	CDN.H 00017	*L2 - 0035*	Nguyễn Xuân	Lâm	Nam	02/01/1998	Đăkmil - ĐăkNông		1	14.00	14.00	5.00	33.00	33.00	1.50	34.50
16	CDN.H 00020	*L2 - 0040*	Trần Thị	Linh	Nữ	15/10/1997	Nam Sách - Hải Dương		2	13.00	9.00	7.50	29.50	29.50	0.50	30.00
17	CDN.H 00022	*L2 - 0007*	Nguyễn Nhựt Bảo	Ngọc	Nữ	13/06/1998	Vĩnh Cửu - Đồng Nai		2NT	16.00	16.00	8.25	40.25	40.50	1.00	41.50
18	CDN.H 00023	*L2 - 0023*	Nguyễn Hoàng Thanh	Nhân	Nam	23/11/1998	Biên Hòa - Đồng Nai		2	16.00	12.00	4.50	32.50	32.50	0.50	33.00
19	CDN.H 00024	*L2 - 0009*	Nguyễn Phương	Nhi	Nữ	20/02/1997	Biên Hòa - Đồng Nai		2	14.00	10.00	6.00	30.00	30.00	0.50	30.50
20	CDN.H 00026	*L2 - 0016*	Phạm Hoàng	Phi	Nam	10/11/1998	Hố Nai - Biên Hòa		2	16.00	17.00	7.25	40.25	40.50	0.50	41.00
21	CDN.H 00029	*L2 - 0022*	Nguyễn Ngọc	Sang	Nam	05/12/1995	Biên Hòa - Đồng Nai		2	14.00	16.00	5.75	35.75	36.00	0.50	36.50
22	CDN.H 00030	*L2 - 0034*	Nguyễn Xuân	Sinh	Nam	12/04/1998	Đăkmil - ĐăkNông		1	12.00	10.00	5.50	27.50	27.50	1.50	29.00

STT	SBD	Mã số HS	Họ và Tên		Phái	Ngày sinh	Hộ Khẩu	ĐT	KV	Điểm Trang trí	Điểm Hình họa	Điểm văn	ĐTC0	ĐTC	ĐUT	ĐT-UT
23	CDN.H 00032	*L2 - 0031*	Vũ Văn	Thành	Nam	18/04/1996	Hố Nai - Biên Hòa		1	13.00	14.00	6.00	33.00	33.00	1.50	34.50
24	CDN.H 00034	*L2 - 0017*	Vũ Thị Thu	Thùy	Nữ	10/09/1998	Tân Hiệp - Kiên Giang		2NT	13.00	16.00	6.25	35.25	35.50	1.00	36.50
25	CDN.H 00036	*L2 - 0015*	Trần Thị Ngọc	Trâm	Nữ	16/10/1997	Định Quán - Đồng Nai	01	1	12.00	14.00	5.75	31.75	32.00	3.50	35.50
26	CDN.H 00037	*L2 - 0030*	Sầm Thị Hương	Trang	Nữ	27/03/1997	Đăk R'lấp - ĐăkNông	01	1	10.00	14.00	6.25	30.25	30.50	3.50	34.00
27	CDN.H 00038	*L2 - 0038*	Nguyễn Thế	Trung	Nam	27/08/1998	Biên Hòa - Đồng Nai		2	14.00	14.00	6.25	34.25	34.50	0.50	35.00
28	CDN.H 00039	*L2 - 0041*	Nguyễn Văn	Trường	Nam	09/11/1995	Tiền Hải - Thái Bình		2NT	10.00	14.00	5.00	29.00	29.00	1.00	30.00
29	CDN.H 00041	*L2 - 0003*	Võ Thị Ngọc	Viên	Nữ	04/12/1998	Buôn Ma Thuột		1	16.00	16.00	6.25	38.25	38.50	1.50	40.00
30	CDN.H 00043	*L2 - 0014*	Đỗ Thị	Linh	Nữ	14/03/1997	Krông Năng - Đăkăl		1	12.00	10.00	5.50	27.50	27.50	1.50	29.00

CỘNG TRƯỜNG CDN: 30 THÍ SINH

Đồng Nai, Ngày 20 tháng 9 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

đã ký

Trần Đình Quả

STT	SBD	Mã số HS	Họ và Tên	Phái	Ngày sinh	Hộ Khẩu	ĐT	KV	Điểm Trang trí	Điểm Hình họa	Điểm văn	ĐTC0	ĐTC	ĐUT	ĐT-UT

STT	SBD	Mã số HS	Họ và Tên	Phái	Ngày sinh	Hộ Khẩu	ĐT	KV	Điểm Trang trí	Điểm Hình họa	Điểm văn	ĐTC0	ĐTC	ĐUT	ĐT-UT

STT	SBD	Mã số HS	Họ và Tên	Phái	Ngày sinh	Hộ Khẩu	ĐT	KV	Điểm Trang trí	Điểm Hình họa	Điểm văn	ĐTC0	ĐTC	ĐUT	ĐT-UT

STT	SBD	Mã số HS	Họ và Tên	Phái	Ngày sinh	Hộ Khẩu	ĐT	KV	Điểm Trang trí	Điểm Hình họa	Điểm văn	ĐTC0	ĐTC	ĐUT	ĐT-UT

STT	SBD	Mã số HS	Họ và Tên	Phái	Ngày sinh	Hộ Khẩu	ĐT	KV	Điểm Trang trí	Điểm Hình họa	Điểm văn	ĐTC0	ĐTC	ĐUT	ĐT-UT

STT	SBD	Mã số HS	Họ và Tên	Phái	Ngày sinh	Hộ Khẩu	ĐT	KV	Điểm Trang trí	Điểm Hình họa	Điểm văn	ĐTC0	ĐTC	ĐUT	ĐT-UT

STT	SBD	Mã số HS	Họ và Tên	Phái	Ngày sinh	Hộ Khẩu	ĐT	KV	Điểm Trang trí	Điểm Hình họa	Điểm văn	ĐTC0	ĐTC	ĐUT	ĐT-UT

STT	SBD	Mã số HS	Họ và Tên	Phái	Ngày sinh	Hộ Khẩu	ĐT	KV	Điểm Trang trí	Điểm Hình họa	Điểm văn	ĐTC0	ĐTC	ĐUT	ĐT-UT

STT	SBD	Mã số HS	Họ và Tên	Phái	Ngày sinh	Hộ Khẩu	ĐT	KV	Điểm Trang trí	Điểm Hình họa	Điểm văn	ĐTC0	ĐTC	ĐUT	ĐT-UT

STT	SBD	Mã số HS	Họ và Tên	Phái	Ngày sinh	Hộ Khẩu	ĐT	KV	Điểm Trang trí	Điểm Hình họa	Điểm văn	ĐTC0	ĐTC	ĐUT	ĐT-UT

STT	SBD	Mã số HS	Họ và Tên	Phái	Ngày sinh	Hộ Khẩu	ĐT	KV	Điểm Trang trí	Điểm Hình họa	Điểm văn	ĐTC0	ĐTC	ĐUT	ĐT-UT

STT	SBD	Mã số HS	Họ và Tên	Phái	Ngày sinh	Hộ Khẩu	ĐT	KV	Điểm Trang trí	Điểm Hình họa	Điểm văn	ĐTC0	ĐTC	ĐUT	ĐT-UT

STT	SBD	Mã số HS	Họ và Tên		Phái	Ngày sinh	Hộ Khẩu	ĐT	KV	Điểm Trang trí	Điểm Hình họa	Điểm văn	ĐTC0	ĐTC	ĐUT	ĐT-UT